TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ- PT
Ngày 30 tháng 8 năm 2019
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các thẩm phán: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Ông Cao Xuân Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐ-PT ngày 08/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn**:*** Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 2 đường Đ, Tổ 2, khu phố Q, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn N là luật sư văn phòng luật sư Lê N thuộc đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn*: ông Huỳnh Trí H, sinh năm 1977; địa chỉ: địa chỉ: Số 2 đường Đ, Tổ 2, khu phố Q, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn T là luật sư Công ty Luật TNHH hai thành viên K thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 12, KP V, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu Bà và ông Huỳnh Trí H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P vào ngày 28 tháng 4 năm 2003. Năm 2015 thì cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan diểm sống, hai vợ chồng không quan tâm, chia sẽ với nhau nữa. Năm 2017 thì hai vợ chồng sống ly thân. Nay, Bà thấy không còn tình cảm với ông H nữa nên yêu cầu Tòa án cho Bà ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng Bà có hai con chung là cháu Huỳnh Nguyễn K, sinh ngày 07/01/2004 và cháu Huỳnh Nguyễn R sinh ngày 07/9/2007. Bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Quyền sử dụng diện tích 126m^2 (trong đó có 45m^2 đất ở và 81m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 2, tờ bản đồ 3 tọa lạc tại Tổ 2, khu phố Q, phường P, thị xã M. Đất đã được UBND huyện T(nay là thị xã M) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số BI ngày 28/6/2012 đứng tên vợ chồng Bà. Trên đất có một căn nhà cấp 3 diện tích sàn 203m^2 và một căn nhà một tầng có diện tích 54,6m^2.

Tài sản khác: một xe máy hiệu Atila biển kiểm soát số 72E1- 025.39 đứng tên Bà; một xe máy Air Blade biển kiểm soát số 72E1-348.64 đứng tên ông Huy; ; 01 giường ngủ gỗ gõ, kích thước 1,6m x 2m; 01 nệm kim đan 1,6mx2m; 01 ti vi hiệu Sharp 36 Inch; 01 bàn để ti vi gỗ ép, kích thước cao 1m dài 1,5m; 01 tủ quần áo bằng gỗ ván ép, kích thước 1,8mx1,2m.

Bà yêu cầu chia tài sản chung như sau: Bà được quyền sử dụng toàn bộ nhà đất và hoàn lại cho ông H ½ giá trị bằng tiền và chiếc xe máy Atila. Còn các tài sản khác chia cho ông H và ông H thanh toán cho bà tiền chênh lệch chiếc xe Air Blade cho bà là 15.000.000 đồng. Bà không đồng ý việc ông Huy yêu cầu chia chiếc xe ô tô đầu kéo biển số 72C-064.89 và rơ móc biển số 72R-007-89 và cơ sở phụ tùng ô tô là tài sản của ông Nguyễn Ngọc N là cha ruột của Bà không phải tài sản chung vợ chồng.

Bị đơn, ông Huỳnh Trí H trình bày:

Về hôn nhân: Việc chung sống và kết hôn, Ông thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Ngọc Đ. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn vợ chồng là do không có sự thấu hiểu, chia sẻ giữa hai vợ chồng và gia đình vợ can thiệp quá nhiều vào cuộc sống chung vợ chồng Ông. Nay, bà Đ xin ly hôn thì Ông đồng ý ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: Vợ chồng Ông có hai con chung như bà Đ trình bày. Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông thống nhất với trình bày của bà Đ và ông yêu cầu chia như sau: Ông yêu cầu được sử dụng nhà đất và hoàn trả 1/3 giá trị đất và ½ giá trị hai căn nhà cho bà Đ. Tài sản khác Ông đồng ý như bà Đ trình bày. Bà Đ sử dụng xa máy Atila, Ông sử dụng xe Air Blade và các tài sản khác như ti vi, bàn, tủ, thanh toán tiền chênh lệch cho bà Đ 15.000.000 đồng.

Ông có yêu cầu chia chiếc xe ô tô đầu kéo biển số 72C-064.89 và rơ móc biển số 72R-007-89 và cơ sở phụ tùng ô tô do Ông đứng tên đăng ký kinh doanh. Tại phiên tòa Ông xin rút yêu cầu chia các tài sản này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N trình bày: Ông là cha ruột của bà Đ. Ông H và Đ có thửa đất mặt tiền giáp quốc lộ 51 nên Ông có nhờ mặt bằng để mở tiệm kinh doanh và nhờ ông H đứng tên tiệm là "Tiệm rong bố H, Ông là người bỏ vốn và trực tiếp kinh doanh. Tháng 6 năm 2017, ông H và bà Đ xảy ra mâu thuẫn, ông H gây khó khăn nên bà Đ đứng ra đăng ký kinh doanh hộ cá thể riêng, hiện nay Ông đang kinh doanh căn nhà phía trước thửa đất 209 của vợ chồng ông H và Đ. Còn xe ô tô đầu kéo, rơ móc và cơ sở phụ tùng ô tô là của Ông tại phiên tòa ông H đã rút yêu cầu nên Ông không có yêu cầu gì.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 25/3/2019 Tòa án nhân dân thị xã P đã áp dụng các Điều 28, 35, 39, 217, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 38, 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Đ đối với ông Huỳnh Trí H về "Tranh chấp về ly hôn, con chung và chia tài sản chung khi ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với ông Huỳnh Trí H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Nguyễn K cho bà Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Huỳnh Nguyễn R cho ông Huỳnh Trí H trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

2. Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Ngọc Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 48,6m^2 (trong đó có 45m^2 đất ở và 3,6m^2 đất trồng cây lâu năm) và được quyền sở hữu căn nhà cấp 3 gắn liền với đất có diện tích sàn 203m^2 thuộc thửa số 2, tờ bản đồ 3 tọa lạc tại Tổ 2, khu phố Q, phường P, thị xã M. Đất đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số BI ngày 28/6/2012.

Ông Huỳnh Trí H được sử dụng diện tích 77,4m^2 đất trồng cây lâu năm và căn nhà một tầng trên diện tích 54,6m^2 thuộc thửa số 2, tờ bản đồ 3 tọa lạc tại Tổ 2, khu phố Q, phường P, thị xã M. Đất đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số BI ngày 28/6/2012.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Đ và ông H như sau:

Bà Nguyễn Ngọc Đ được quyền sở hữu, sử dụng xe máy hiệu Atila biển kiểm soát số 72E1- 025.39, màu đỏ đen đứng tên bà Đ.

Ông Huỳnh Trí H được quyền sở hữu, sử dụng xe máy Ablade biển kiểm soát số 72E1-348.64 màu đen đứng tên ông H; 01 giường ngủ gỗ gõ, kích thước 1,6m x 2m; 01 nệm kim đan 1,6mx2m; 01 ti vi hiệu Sharp 36 Inch; 01 bàn để ti vi gỗ ép, kích thước cao 1m dài 1,5m; 01 tủ quần áo bằng gỗ ván ép, kích thước 1,8mx1,2m.

Ông Huỳnh Trí H có nghĩa vụ thanh toán giá trị chiếc xe Ablade cho bà Đ là 15.000.000 đồng.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Huỳnh Trí H về việc yêu cầu chia tài sản là chiếc xe ô tô đầu kéo biển số 72C-064.89 và rơ móc biển số 72R-007-89 và cơ sở phụ tùng ô tô do ông H đăng ký kinh doanh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, bà Nguyễn Ngọc Đ làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao hai con chung cho bà nuôi dưỡng và giao toàn bộ nhà đất cho Bà sử dụng và hoàn tiền giá trị 50% cho ông H.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, bà Đ có đơn xin thay đổi yêu cầu kháng cáo như sau: Về con chung Bà đề nghị Tòa giao con theo nguyện vọng của các cháu. Về căn nhà Bà xin được hưởng phần nhà cấp 4 có cửa tiệm để làm ăn vì không có việc làm và sẽ trả phần chênh lệch cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Ngọc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện; các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Về kháng cáo thì tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, thỏa thuận của các đương sự phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị HĐXX công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc Đ nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo.

[2] Về tố tụng: Ngày 30/8/2019, bà Nguyễn Ngọc Đ có đơn thay đổi kháng cáo Đơn thay đổi bổ sung kháng cáo của bà Thùy không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn và đồng thời giải quyết các quan hệ khác của hôn nhân do đó chỉ cần xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn.

[4] Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Huỳnh Trí H thuận tình ly hôn.

- Về tranh chấp nuôi con chung: Bà Nguyễn Ngọc Đ nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nguyễn K, sinh ngày 07/01/2004. Ông Huỳnh Trí H nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nguyễn R sinh ngày 07/9/2007.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về chia tài sản chung:

Bà Nguyễn Ngọc Đ được sở hữu, sử dụng xe máy hiệu Atila biển kiểm soát số 72E1- 025.39, màu đỏ đen đứng tên bà T. Bà Nguyễn Ngọc Đ được sử dụng diện tích 77,4m^2 đất trồng cây lâu năm và căn nhà một tầng trên diện tích 54,6m^2 thuộc thửa số 2, tờ bản đồ 3 tọa lạc tại Tổ 2, khu phố Q, phường P, thị xã M (ký hiệu lô A). Bà Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Trí H 240.000.000 đồng.

Ông Huỳnh Trí H được quyền sở hữu, sử dụng xe máy Air Blade biển kiểm soát số 72E1-348.64 màu đen đứng tên ông H; 01 giường ngủ gỗ gõ, kích thước 1,6m x 2m; 01 nệm kim đan 1,6mx2m; 01 ti vi hiệu Sharp 36 Inch; 01 bàn để ti vi gỗ ép, kích thước cao 1m dài 1,5m; 01 tủ quần áo bằng gỗ ván ép, kích thước 1,8mx1,2m. Ông Huỳnh Trí H có nghĩa vụ thanh toán giá trị chiếc xe Air Blade cho bà Đ là 15.000.000 đồng. Ông Huỳnh Trí H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 48,6m^2 (trong đó có 45m^2 đất ở và 3,6m^2 đất trồng cây lâu năm) và được quyền sở hữu căn nhà cấp 3 gắn liền với đất có diện tích sàn 203m^2 thuộc thửa số 2, tờ bản đồ 3 tọa lạc tại Tổ 2, khu phố Q, phường P, thị xã M (ký hiệu lô B).

Bà Nguyễn Ngọc Đ đồng ý cho ông Huỳnh Trí H giữ nguyên ban công (tầng 1, tầng 2 và mái nhà) của căn nhà cấp 3 lấn sang khoảng không phía trên phần đất lô A. Khi nào bà Đ xây nhà ảnh hưởng đến ban công thì bà Đ phải tự xử lý ban công mà không làm ảnh hưởng đến kết cấu của căn nhà cấp 3.

Sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[5] Về chi phí, lệ phí, án phí:

- Chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá 7.000.000 đồng. Bà Nguyễn Ngọc Đ, ông Huỳnh Trí H mỗi người phải chịu 3.500.000 đồng. Bà Đ đã tạm ứng nên ông H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đ 3.500.000 đồng.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Đ phải nộp là 300.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Ngọc Đ phải nộp là 78.978.000 đồng, ông Huỳnh Trí H phải nộp 81.800.000 đồng.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn và ông Huỳnh Trí H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Nguyễn K sinh ngày 07/01/2004 cho bà Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Huỳnh Nguyễn R sinh ngày 07/9/2007 cho ông Huỳnh Trí H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H và bà Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hay sự thay đổi khác.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Huỳnh Trí H và bà Nguyễn Ngọc Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về chia tài sản chung:

- Bà Nguyễn Ngọc Đ được sở hữu, sử dụng xe máy hiệu Atila biển kiểm soát số 72E1- 025.39, màu đỏ đen đứng tên bà Đ. Bà Nguyễn Ngọc Đ được sử dụng diện tích 77,4m^2 đất trồng cây lâu năm và căn nhà một tầng trên diện tích 54,6m^2 thuộc thửa số 2, tờ bản đồ 3 tọa lạc tại Tổ 2, khu phố Q, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ký hiệu lô A). Bà Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Trí H 240.000.000 (*hai trăm bốn mươi triệu)* đồng.

- Ông Huỳnh Trí H được quyền sở hữu, sử dụng xe máy Air Blade biển kiểm soát số 72E1-348.64 màu đen đứng tên ông H; 01 giường ngủ gỗ gõ, kích thước 1,6m x 2m; 01 nệm kim đan 1,6mx2m; 01 ti vi hiệu Sharp 36 Inch; 01 bàn để ti vi gỗ ép, kích thước cao 1m dài 1,5m; 01 tủ quần áo bằng gỗ ván ép, kích thước 1,8mx1,2m. Ông Huỳnh Trí H có nghĩa vụ thanh toán giá trị chiếc xe Air Blade cho bà Đ là 15.000.000 (*mười lăm triệu*) đồng.

Ông Huỳnh Trí H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 48,6m^2 (trong đó có 45m^2 đất ở và 3,6m^2 đất trồng cây lâu năm) và được quyền sở hữu căn nhà cấp 3 gắn liền với đất có diện tích sàn 203m^2 thuộc thửa số 2, tờ bản đồ 3 tọa lạc tại Tổ 2, khu phố Q, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ký hiệu lô B).

- Bà Nguyễn Ngọc Đ đồng ý cho ông Huỳnh Trí H giữ nguyên ban công (tầng 1, tầng 2 và mái nhà) của căn nhà cấp 3 lấn sang khoảng không phía trên

phần đất lô A. Khi nào bà Đ xây nhà ảnh hưởng đến ban công thì bà Đ phải tự xử lý ban công mà không làm ảnh hưởng đến kết cấu của căn nhà cấp 3.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

(Đất đã được UBND huyện T (nay là thị xã M) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số BI 372492 ngày 28/6/2012 đứng tên bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Huỳnh Trí H. Vị trí, kích thước thửa các lô đất theo sơ đồ đo vẽ ngày 06/9/2018 do Văn đăng ký đất đai chi nhánh thị xã M lập kèm theo bản án).

Ông Huỳnh Trí H và bà Nguyễn Ngọc Đ có nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất và nhà cùng các tài sản khác cho nhau theo quyết định của bản án.

Ông Huỳnh Trí H và bà Nguyễn Ngọc Đ có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí, lệ phí, án phí sơ thẩm:

- Chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 3.500.000 (*ba triệu năm trăm ngàn*) đồng và đã nộp đủ. Ông Huỳnh Trí H mỗi người phải chịu 3.500.000 (*ba triệu năm trăm ngàn*) đồng. Bà Đ đã tạm ứng nên ông H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đ 3.500.000 (*ba triệu năm trăm ngàn*) đồng.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Đ phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Nguyễn Ngọc Đ phải nộp là 78.978.000 (*bảy mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn*) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.300.000 (*mười triệu ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008793 ngày 21/11/2017 tại Chi cục thì hành án dân sự thị xã M. Như vậy bà Đ còn phải nộp số tiền 68.678.000 (*sáu mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn*) đồng.

+ Ông Huỳnh Trí H phải nộp 81.800.000 (*tám mươi mốt triệu tám trăm ngà*n) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 *(năm triệu*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005370 ngày 27/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Như vậy, ông H còn phải nộp số tiền 76.800.000 (*bảy mươi sáu triệu tám trăm ngàn*) đồng.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Đ phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0009140 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/8/2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh BRVT;
- TAND TX. M;
- Các đương sự;
- Chi cục THA TX. M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Bắc